

## BẢNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

**Nhiệm vụ:** Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

**Đơn vị thực hiện:** Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý Chất lượng Nước, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi.

**Thời gian:** Đợt 2 (tháng 1/2020)

**Căn cứ theo các quy chuẩn:** QCVN 08:2015 nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các mức như sau:

Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh: **Cống Hữu Bị, Cổng Nhâm Tràng, Cổng Kinh Thanh, Cổng Cổ Đàm, Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21), Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy).**

Các vị trí đạt giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp: **Các vị trí đạt giới hạn trên, Cổng sông Chanh, Cổng Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, Cầu đường 10 với sông Sắt, Đập An Bài (sông Châu Giang), TB Triệu Xá (sông Châu Giang), Đập La Chợ, Đập Vùa (CG12), Đầu kênh C19.**

Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Các vị trí đạt các giới hạn trên, Cổng Như Trác, Cổng Cốc Thành, Đập Biên Hòa, Cầu Chủ (sông Châu Giang), Đầu kênh T6.**

Các vị trí đạt giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: **Các vị trí đạt các giới hạn trên.**

Các vị trí không đạt các giới hạn trên: Không dùng được cho các mục đích sử dụng trên: Không có vị trí nào

**Chi tiết thể hiện trong bảng sau:**

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2015 A1</i>					6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>					6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>					5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>					5.5 – 9		2		0.9	15		
1	1	Cổng Như Trác	Trời nhiều mây, t° = 18°C, độ ẩm 96%, gió ĐB 13 km/h, mật độ mây 99%. Dòng chảy vừa. Nước đang được tiêu ra sông.	Nước màu vàng lục.	6.66	17.8	4.2	0.2	0.109	0.878	325	<p><b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b></p> <p><b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b></p>
2	2	Cổng Hữu Bị	Trời nhiều mây, t° = 19°C, độ ẩm 96%, gió Bắc 13 km/h, mật độ mây 99%. Cổng đóng, mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông (khoảng 40cm). Thượng lưu cống có nhiều bèo.	Nước màu xanh lục.	6.9	8.6	6.11	0.2	0.109	1.751	317	<p><b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b></p> <p><b>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b></p>
3	3	Cổng Cốc Thành	Trời nhiều mây, t° = 21°C, độ ẩm 90%, gió ĐB 9 km/h, mật độ mây 100%. Không có dòng chảy. Trạm bơm đang hoạt động, lấy nước từ kênh tiêu.	Nước màu vàng lục.	6.68	10.5	4.64	0.3	0.093	1.350	477	<p><b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b></p> <p><b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật</b></p>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2015 A1</i>					6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>					6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>					5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>					5.5 – 9		2		0.9	15		
												<b>thủy sinh.</b>
4	4	Cống sông Chanh	Trời nhiều mây, t° = 21°C, độ ẩm 88%, gió ĐB 10 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy rất chậm, đang tiêu nước ra sông (nước chảy qua khe hở cánh cống). Trên sông có bèo và rác thải sinh hoạt.	Nước màu vàng đục.	6.8	9	5.67	0.4	0.109	1.825	502	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
5	5	Cống Nhâm Tràng	Trời nhiều mây, t° = 16°C, độ ẩm 89%, gió Bắc 10 km/h, mật độ mây 99%. Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm đang bắt đầu bơm nước từ kênh tiêu lên. Hai bên bờ kênh có bèo.	Nước màu vàng đục.	6.89	16.3	6.2	0.4	0.124	1.267	534	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
6	6	Cống Kinh Thanh	Trời nhiều mây, t° = 16°C, độ ẩm 98%, gió Bắc 10 km/h, mật độ mây 99%. Cống tưới đóng, cống tiêu mở hé, tiêu nức ra sông. Trạm bơm tưới đang lấy nước từ kênh tiêu lên. Trạm bơm tiêu cũ đang tiêu nước	Nước màu vàng đục.	6.96	11.7	6.5	0.4	0.109	1.323	535	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy</b>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2015 A1</i>					6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>					6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>					5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>					5.5 – 9		2		0.9	15		
			ra sông.									<b>sinh.</b>
7	7	Công Cỏ Đam	Trời nhiều mây, t° = 17°C, độ ẩm 98%, gió Bắc 11 km/h, mật độ mây 99%. Không có dòng chảy, cống đóng. Trạm bơm đang hoạt động, lấy nước từ kênh tiêu.	Nước màu vàng đục.	6.8	11.4	6	0.4	0.085	1.188	545	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b> <b>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
8	8	Công Vĩnh Trị	Trời nhiều mây, t° = 21°C, độ ẩm 88%, gió ĐB 10 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy vừa, cống mở, đang tiêu nước ra sông.	Nước màu vàng đục.	6.95	10.3	5.37	0.3	0.093	1.755	459	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b> <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
9	9	Đầu kênh T3	Trời nhiều mây, t° = 21°C, độ ẩm 88%, gió ĐB 10 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy chậm. Nước chảy về hướng kênh Sông Chanh. Trên kênh có nhiều bèo.	Nước màu xanh lục.	6.97	18.4	5.24	0.2	0.124	0.983	428	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b> <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật</b>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2015 A1</i>					6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>					6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>					5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>					5.5 – 9		2		0.9	15		
												<b>thủy sinh.</b>
10	10	Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)	Trời nhiều mây, t° = 17°C, độ ẩm 98%, gió Bắc 12 km/h, mật độ mây 98%. Dòng chảy chậm từ An Bài về. Có nhiều bèo trôi trên sông. Chân cầu có nhiều rác thải sinh hoạt.	Nước màu vàng lục.	6.79	12.7	6.26	0.3	0.101	1.163	390	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
11	11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Trời nhiều mây, t° = 21°C, độ ẩm 88%, gió ĐB 10 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy vừa. Dòng chảy về phía Vĩnh Trị. Chân cầu có rác thải sinh hoạt, trên mặt sông có bèo.	Nước màu vàng lục.	6.87	12.8	5.47	0.3	0.078	1.467	398	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
12	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Trời nhiều mây, t° = 17°C, độ ẩm 98%, gió Bắc 13 km/h, mật độ mây 98%. Không có dòng chảy, công đóng. Từ thượng lưu đập ra đến sông có bèo trôi dày đặc.	Nước màu vàng lục.	6.77	9.2	5.05	0.3	0.085	1.058	395	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật</b>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2015 A1</i>					6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>					6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>					5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>					5.5 – 9		2		0.9	15		
												<b>thủy sinh.</b>
13	13	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Trời nhiều mây, t° = 16°C, độ ẩm 98%, gió Bắc 10 km/h, mật độ mây 99%. Cống mở, dòng chảy chậm, đang tiêu nước ra sông.	Nước màu vàng đục.	7.03	26.5	5.2	0.2	0.163	1.472	341	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
14	14	Đập La Chợ	Trời nhiều mây, t° = 21°C, độ ẩm 90%, gió ĐB 9 km/h, mật độ mây 100%. Dòng chảy vừa, hai bên bờ kênh sạch.	Nước màu vàng đục.	6.9	26.7	5.67	0.2	0.132	1.526	480	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
15	15	Đập Biên Hòa	Trời nhiều mây, t° = 17°C, độ ẩm 99%, gió Bắc 12 km/h, mật độ mây 98%. Không có dòng chảy, cống đóng. Hạ lưu cống dày đặc bèo.	Nước màu vàng lục.	7.18	12.6	4.64	0.2	0.202	1.314	467	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật</b>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2015 A1</i>					6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>					6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>					5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>					5.5 – 9		2		0.9	15		
												<b>thủy sinh.</b>
16	16	Đập Vùa (CG12)	Trời nhiều mây, t° = 19°C, độ ẩm 97%, gió Bắc 13 km/h, mật độ mây 99%. Cổng đóng, không có dòng chảy. Hai bên bờ nhiều rác thải sinh hoạt.	Nước màu vàng lục.	7.08	19.7	5.26	0.3	0.140	1.276	420	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
17	17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Trời nhiều mây, t° = 17°C, độ ẩm 98%, gió Bắc 13 km/h, mật độ mây 98%. Nước đứng. Thượng lưu cầu dày đặc bèo (khoảng 50m). Vị trí này nhận nước thải chăn nuôi xã Ngọc Lũ.	Nước màu vàng lục.	6.64	14.6	4.4	0.3	0.109	1.850	430	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
18	18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Trời nhiều mây, t° = 17°C, độ ẩm 98%, gió Bắc 11 km/h, mật độ mây 99%. Dòng chảy vừa về phía TB Cổ Đam. Trên mặt nước nhiều bèo trôi.	Nước màu vàng đục.	6.7	17.5	6.15	0.3	0.085	1.193	474	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy</b>

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2015 A1</i>					6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>					6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>					5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>					5.5 – 9		2		0.9	15		
												<b>sinh.</b>
19	19	Đầu kênh C19	Trời nhiều mây, t° = 20°C, độ ẩm 92%, gió Bắc 12 km/h, mật độ mây 100%. Nước đứng. Hai bên bờ kênh sạch.	Nước màu vàng lục.	6.97	18.1	5.25	0.8	0.117	4.500	1050	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>
20	20	Đầu kênh T6	Trời nhiều mây, t° = 21°C, độ ẩm 88%, gió ĐB 10 km/h, mật độ mây 100%. Nước đứng. Hai bên bờ nhiều rác thải sinh hoạt. Trang trại lợn ngay chân cầu xả thải trực tiếp xuống kênh.	Nước màu vàng đục.	7.14	26.4	4.26	0.3	0.202	1.764	531	<b>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</b>  <b>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</b>

**Ghi chú:**

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.



QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.